

# TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA TRONG CA DAO, TỤC NGỮ VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC THỂ HỆ TRẺ HIỆN NAY

NGUYỄN QUẾ DIỆU<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Ca dao, tục ngữ Việt Nam là một loại hình văn học dân gian mà nội dung của nó chứa đựng những quan niệm, quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực, yêu cầu đạo đức nhằm giải quyết mối quan hệ giữa con người với con người trong cuộc sống. Trong đó, tư tưởng nhân nghĩa là một nội dung phản ánh lòng yêu thương giữa con người với con người và những hành động vì lẽ phải, phù hợp với đạo lý, lợi ích chung của xã hội. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ làm rõ một số nội dung: Quan niệm và những biểu hiện của tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam cũng như ý nghĩa đối với giáo dục thể hệ trẻ ở nước ta hiện nay.

**Từ khóa:** Nhân nghĩa; ca dao; tục ngữ.

**Abstract:** Vietnamese folk poetry and idioms is a form of folk literature which reflect concepts, rules and norms of interpersonal relationships. Among them, humanism refers to the affection between human and human, leading to actions for the right and common benefits. In this article, the author clarified concept and manifestations of humanism in folk poetry and idioms and its role in educating the youth.

**Keywords:** humanism; idiom; folk poetry.

Ngày nhận bài: 30/6/2019; Ngày sửa bài: 20/7/2019; Ngày duyệt đăng bài: 29/8/2019.

## Đặt vấn đề

Là một bộ phận của văn học dân gian, ca dao, tục ngữ Việt Nam không chỉ mang tính giải trí, văn điệu mà còn mang những triết lý nhân sinh, giáo dục, đạo đức, thẩm mỹ... hết sức sâu sắc. Trong đó, nội dung của nó ẩn chứa nhiều tư tưởng đạo đức phù hợp với đặc điểm cư trú, sản xuất và lối sống của dân tộc cũng như mối quan hệ giữa con người với con người, đó là: lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; nhân nghĩa, nhân ái, thương người; cần cù trong lao động; đoàn kết gắn bó với cộng đồng; thủy chung, giữ trọn chữ "tín" trong các mối quan hệ với các cá nhân, với những người xung quanh.

Nghiên cứu về tư tưởng đạo đức của

dân tộc ta nói chung và tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam nói riêng vừa đáp ứng được yêu cầu tìm tòi, bảo vệ, lưu truyền những giá trị trong cuộc sống của người Việt các thế hệ đi trước, vừa góp phần vào trong quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc như tinh thần của các Nghị quyết mà Đảng ta đã xác định.

## 1. Quan niệm về nhân nghĩa

Cùng với các phạm trù lễ, trí, tín, nhân và nghĩa vốn là những khái niệm có tính

(\*) NCS., Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Email: nguyennquediou@gmail.com.

chất chính trị, đạo đức của Nho giáo, do Khổng Tử đề xướng và Mạnh Tử bổ sung, phát triển; trong đó, kết hợp nhân với nghĩa thành phạm trù nhân nghĩa. Mặc dù Khổng Tử không đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về “nhân”, “nghĩa”, nhưng theo quan niệm của ông, “nhân” là người, là thương người, là đạo làm người, là cách cư xử với người và cư xử với mình. “Nhân” là một đức lý tưởng của con người trong quan hệ giữa người với người. Trong khi đó, “nghĩa” được hiểu là những gì hợp với đạo lý mà con người cần phải làm, là cách đối nhân xử thế cho hợp lý hợp tình và là cái còn đọng lại hàm chứa giá trị, ý nghĩa nhân văn. Trong đó, con người sống trong cộng đồng vì nhân nghĩa mà hướng đến những điều tốt đẹp, việc thiện, việc có lợi cho gia đình, làng xóm, cộng đồng, xã hội. Mặc dù đưa ra quan niệm về nhân nghĩa với mục đích nhằm khắc phục sự rối loạn của xã hội lúc bấy giờ, song, nhìn chung, quan niệm về nhân và nghĩa của Nho gia có tính chất bảo thủ, tôn sùng quá khứ, gắn với mục đích phục vụ giai cấp thống trị “bình thiên hạ” không phải bằng vũ lực, mà bằng đạo đức, theo một trật tự đẳng cấp khác nghiệt.

Theo *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, “Nhân” chính là “lòng yêu thương con người; là thật thà, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào”<sup>(1)</sup>. Còn “Nghĩa” là “Điều được công nhận là hợp lẽ phải, là đúng với đạo đức của con người”<sup>(2)</sup>, là “việc nên làm”<sup>(3)</sup>. Như vậy, “nhân nghĩa” chính là “lòng yêu thương và sự trọng điều phải”<sup>(4)</sup>. Trong khi đó, *Đại Từ điển tiếng Việt* cũng cho rằng: “nhân” chính là “lòng yêu thương con người”<sup>(5)</sup> và “nghĩa” là “lẽ phải,

điều làm khuôn phép cho cách xử thế”, là “quan hệ tình cảm tốt, trước sau như một”<sup>(6)</sup>. Nhân nghĩa là “lòng thương người và yêu chuộng lẽ phải”<sup>(7)</sup>.

Như vậy, nói đến nhân nghĩa thì trước hết là nói đến lòng thương yêu giữa con người với con người và sự yêu chuộng lẽ phải. Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người đã đặt ra những quy tắc, chuẩn mực, yêu cầu, nguyên tắc đạo đức để có sự ủng hộ hay phê phán suy nghĩ, hành vi, cách ứng xử của mình. Trong mối quan hệ giữa con người và con người, những điều được coi là đúng đắn, phù hợp với đạo lý, lợi ích chung của xã hội đều được con người hướng đến. Trong đó, lòng yêu thương giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, cộng đồng, xã hội được thể hiện trong cả suy nghĩ, lời nói và hành động. Con người có yêu thương nhau mới hành động vì nhau, vì họ thấy đó là đúng đắn, là nên làm bởi nó phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội.

## 2. Biểu hiện tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam

### 2.1. Lòng yêu thương, đề cao phẩm giá của con người trong ca dao, tục ngữ Việt Nam

<sup>(1)</sup> GS. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr.1320.

<sup>(2)</sup> GS. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Sdd, tr.1263.

<sup>(3)</sup> GS. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Sdd, tr.1323.

<sup>(4)</sup> GS. Nguyễn Lân (1989), *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Sdd, tr.1323.

<sup>(5)</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.1237.

<sup>(6)</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Sdd, tr. 1196.

<sup>(7)</sup> Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Sdd, tr. 1237.

Ca dao, tục ngữ Việt Nam ra đời, phát triển trong quá trình quan hệ với tự nhiên, trong quá trình tổ chức lao động, sản xuất và trong cuộc sống, sinh hoạt cộng đồng của người Việt. Một mặt, ca dao, tục ngữ Việt Nam phản ánh một cách phong phú, đa dạng hoạt động sống của nhân dân ta, trong mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thế giới tự nhiên. Mặt khác, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, giáo dục con người hướng đến những giá trị sống tốt đẹp, góp phần giúp cho các cá nhân trong xã hội định hình khuôn mẫu, lối sống, nhân cách của con người Việt Nam từ trước tới nay. Nội dung của ca dao, tục ngữ Việt Nam bao gồm nhiều lĩnh vực, từ những mối quan hệ mang tính huyết thống, tình yêu lứa đôi cho đến cộng đồng, xã hội. Trong đó, nhiều câu ca dao, tục ngữ đã đề cập rất rõ nét lòng yêu thương, đề cao phẩm giá của con người Việt Nam.

Lòng yêu thương, đề cao phẩm giá của con người được thể hiện trong ca dao, tục ngữ Việt Nam dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, từ những mối quan hệ huyết thống đến làng xóm, láng giềng với nhau và xa hơn đó là mối quan hệ giữa cá nhân với quốc gia, dân tộc. Trong đó, mỗi cá nhân có lòng yêu thương con người, yêu “đồng bào” thì trước hết, nó phải được thể hiện bằng sự tôn trọng, chia sẻ, sẵn sàng hành động vì nhau, coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với họ. Lòng nhân ái, yêu thương con người đó được biểu hiện trên tất cả các khía cạnh trong cuộc sống và tùy vào mối quan hệ mà ca dao, tục ngữ Việt Nam thể hiện sâu sắc hay không hoặc chân thật đến mức độ nào.

Chẳng hạn, trong phạm vi gia đình, nhiều câu ca dao, tục ngữ vừa ghi nhớ, ca ngợi tình cảm vợ chồng thủy chung, son sắt bền lâu hay tình máu mủ thiêng liêng, vừa răn dạy các thành viên trong gia đình hướng thiện, tránh điều ác. Ví như các câu tục ngữ: “Anh em cốt nhục đồng bào, vợ chồng là nghĩa lễ nào không thương”; “Con hơn cha là nhà có phúc”; “Anh em chém nhau bằng sống, ai chém nhau bằng lưỡi”, “Một giọt máu đào hơn ao nước lã”<sup>(8)</sup>... Hoặc những câu ca dao: “Anh em như thể chân tay/ Vợ chồng như áo cởi ngay nên lia”; “Ơn cha, nghĩa mẹ cao dày/ Tình chồng nghĩa vợ thảo ngay trọn đời”<sup>(9)</sup>....

Những câu tục ngữ, ca dao nói trên một mặt, nó có vai trò giáo dục, định hướng các thành viên trong gia đình phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, không làm tổn hại nhau... Mặt khác, thông qua đó, nó điều chỉnh hành vi của các thành viên trong gia đình, góp phần hình thành nên các gia đình “nề nếp, gia phong” mà chúng ta vẫn thường thấy.

Bên cạnh đó, con người Việt Nam từ xa xưa cho đến nay đều rất trân trọng, quý mến và luôn ghi nhớ đến công lao người thầy theo tinh thần “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Còn ở phương diện bè bạn, người Việt cũng rất trân trọng trong việc chọn lựa bạn bè. Do đó, nhiều câu tục ngữ, ca dao cũng phản ánh những mối quan hệ này cả trên phương diện tích cực và tiêu

<sup>(8)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, tập 1*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.314, 373, 408, 429.

<sup>(9)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sđđ, tập 15*, tr.306, 430.

cực, định hướng con người tìm đến cái tích cực, cái tốt hay tránh xa, thậm chí là loại bỏ cái tiêu cực, cái chưa tốt. Chẳng hạn, trong mối quan hệ thầy trò, bao giờ người Việt cũng mong muốn: “Cha muốn cho con hay, thầy muốn cho trò khá”<sup>(10)</sup>, hay “Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”<sup>(11)</sup>. Còn ở phương diện bạn bè, các yếu tố trung thực, thẳng thắn, hết lòng giúp đỡ lẫn nhau cũng được các thế hệ cha anh nhắc nhở, rằng: “Anh em kết bạn, sống không rời, chết cũng không rời”<sup>(12)</sup>... hoặc “Đói lòng mà vẫn chơi se/ Miễn sao được bụng bạn bè mới thôi”<sup>(13)</sup>... Thông qua các câu ca dao, tục ngữ phản ánh mối quan hệ thầy - trò, bạn bè, có thể thấy rằng: người Việt luôn coi trọng chữ tình, không chỉ là sống phải có trước, có sau, phải chí nghĩa, chí tình, mà còn không được làm gì tổn hại đến mối quan hệ này.

Trong khi đó, mối liên kết “nhà - làng - nước” ở Việt Nam cũng được hình thành từ rất sớm mà mục đích cũng không nằm ngoài việc xây dựng mối đoàn kết, tạo nên sức mạnh trong lao động sản xuất, để chinh phục tự nhiên và đánh đuổi giặc ngoại xâm. Chính vì vậy, người Việt cũng rất coi trọng tình làng nghĩa xóm trên tinh thần đoàn kết “tối lửa tắt đèn có nhau”. Những câu tục ngữ như: “Bán anh em xa mua láng giềng gần”, “Yêu con người, mát con ta”<sup>(14)</sup>... hay các câu ca dao “Cơm ăn chẳng hết thì treo/ Việc làm không hết thì kêu láng giềng”<sup>(15)</sup>... Thông qua đó, con người điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp trên tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau mà trước hết là để giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất,

chinh phục tự nhiên, sau đó nhằm tạo nên sức mạnh để giữ làng và xa hơn nữa là để chống quân xâm lược.

Rộng hơn nữa, đó là các quan hệ đối với đồng bào hay nhân dân trong cùng một đất nước. Với mỗi con người Việt Nam, thì từ “đồng bào” dù có những cách hiểu không giống nhau nhưng bao giờ cũng mang hàm ý đó là những người cùng chung nguồn cội, tổ tông. Chính vì vậy, tình thương giữa con người với con người cũng được thể hiện dưới góc độ, đó là “Thương người như thể thương thân”<sup>(16)</sup>... Trên cơ sở đó, các thế hệ người Việt cũng sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm, dám hy sinh bản thân mình để bảo vệ quê hương, đất nước. Chẳng hạn: “Ru con con ngủ cho lành/ Để mẹ gánh nước rửa bành ông voi/ Muốn coi, lên núi mà coi/ Có bà Triệu tướng cuối voi, đánh công”<sup>(17)</sup>.

<sup>(10)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 433.

<sup>(11)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 15, tr. 619.

<sup>(12)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 438.

<sup>(13)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 15, tr. 622.

<sup>(14)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 443, 446.

<sup>(15)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 15, tr. 623.

<sup>(16)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 455.

<sup>(17)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 15, tr. 251.

Bên cạnh đó, ca dao, tục ngữ Việt Nam còn chứa đựng các nội dung đề cao phẩm giá của con người. Trong các mối quan hệ, yêu cầu mà dư luận xã hội đặt ra là các cá nhân sống trong xã hội phải giữ lấy mình, không làm điều gì tổn hại đến lợi ích, danh dự của bản thân cũng như gia đình, dòng họ hay cộng đồng, xã hội. Trong đó, con người được xem là vốn quý nhất trong cuộc sống, được ví là: “Người là vàng của là ngãi”, “Người ta là hoa đất”<sup>(18)</sup>. Phẩm giá của con người phải được chứng minh từ thực tiễn cuộc sống, trong các mối quan hệ với người xung quanh như sống có tình, có nghĩa, phải “ở hiền” với nhau mới mong có được điều tốt đẹp đến với chính bản thân mình. Chẳng hạn, các câu tục ngữ: “Ở hiền gặp lành”; “Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ”, “Ở hiền nhiều bạn tốt, ở ác hết bạn hiền”<sup>(19)</sup> có ý nghĩa hết sức to lớn đối với các cá nhân, cộng đồng xã hội, nó giúp con người điều chỉnh hành vi, sống hướng thiện. Đặc biệt, con người Việt Nam dù trong hoàn cảnh nào cũng phải hết sức giữ gìn phẩm giá của mình, phải “Đói cho sạch, rách cho thơm”<sup>(20)</sup> hay có nói với nhau cũng phải nhẹ nhàng, dãn do suy nghĩ trước sau để không làm tổn thương nhau bởi “Lời nói không mất tiền mua/ Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau”<sup>(21)</sup>. Chính vì vậy, những ai thực hiện được điều đó sẽ được dư luận ngợi ca, được xem như là tấm gương để mọi người xung quanh học hỏi, noi theo. Ngược lại, nếu ai làm điều gì trái với đạo lý, điều ác, gây tổn hại cho những người xung quanh hay cho cộng đồng, đất nước thì bị dư luận phê phán, lên án.

## 2.2. Khuyến khích, cổ vũ lẽ phải, lên án những hành động gây hại cho cộng đồng, xã hội trong ca dao, tục ngữ Việt Nam

Với người Việt Nam, ca dao, tục ngữ không chỉ có sự gắn bó mật thiết với cuộc đời mỗi người xuyên suốt “từ chiếc nôi ra tới nấm mồ”, mà nó còn thể hiện một cách phong phú đời sống, sinh hoạt của nhân dân ta và là “nguồn sữa” trong lành nuôi dưỡng bao thế hệ trẻ lớn lên. Đồng thời, ca dao, tục ngữ Việt Nam có khả năng định hướng đạo đức, luân lý cho con người trong đời sống xã hội, nó trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến các cá nhân nói riêng và cộng đồng, xã hội nói chung.

Ra đời từ rất sớm trong lịch sử dân tộc, ca dao, tục ngữ Việt Nam chứa đựng nhiều triết lý của dân tộc hết sức sâu sắc. Bên cạnh việc đề cao, cổ vũ cho tinh thần yêu nước, coi trọng tình cảm, yêu thương lẫn nhau, sống có trước có sau, làm điều tốt, hành động vì lẽ phải... của nhân dân ta, thì nó còn phê phán những thói hư tật xấu làm ảnh hưởng đến gia đình, cộng đồng, đất nước của một bộ phận nhân dân. Trong cuộc sống, người Việt luôn quan niệm “Phải trái phân minh, nghĩa tình trọn vẹn” nhằm khuyến khích con người hành động theo lẽ phải, tránh sa vào

<sup>(18)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 91, 93.

<sup>(19)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 639.

<sup>(20)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 734.

<sup>(21)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 371.

những việc trái với đạo lý của con người cũng như ca ngợi tình cảm trước sau như một của nhân dân ta. Nếu con người sống mà tôn trọng, hành động vì lẽ phải, minh bạch trong mọi vấn đề, mọi quan hệ của cuộc sống thì nghĩa tình trước sau mới trọn vẹn. Muốn vậy, trước hết con người phải coi trọng lời ăn tiếng nói, việc làm, phải trung thực, phải hành động hướng đến lợi ích chung của tập thể, cộng đồng. Chẳng hạn, những câu tục ngữ sau: “Lời nói, gói vàng”, “Nói phải củ cải cũng phải nghe”, “Cây ngay thì bóng ngay”, “Những người tính nết thật thà, đi đâu cũng được người ta tin dùng”<sup>(22)</sup>..., hay các câu ca dao: “Làm trai đứng ở trên đời/ Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta/ Ghé vai gánh đỡ sơn hà/ Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu”<sup>(23)</sup>. Những câu tục ngữ, ca dao nói trên vừa cổ vũ con người làm điều hay lẽ phải, vừa là lời nhắc nhở con người phải biết tôn trọng lẽ phải và biết cách xử sự cho đúng mực, hợp tình hợp lý, sống hướng thiện thì sẽ được mọi người yêu quý, tôn trọng, ngợi ca.

Bên cạnh đó, ca dao, tục ngữ Việt Nam cũng phê phán, lên án những hành vi bất nghĩa, làm tổn hại đến các mối quan hệ giữa con người với con người trong cuộc sống. Trong đó, việc phê phán những thói hư tật xấu, thói lười lao động thường gặp, đồng thời đưa ra những quan niệm nhằm chống các ác, hướng con người tới cái thiện, làm điều tốt đẹp, có ích cho gia đình và cộng đồng, xã hội là nội dung được ca dao, tục ngữ Việt Nam đề cập.

Nội dung phê phán, lên án các hành vi ác, gây hại cho cộng đồng, cho quê hương, đất nước được thể hiện trên tất cả lĩnh vực

của đời sống xã hội. Đó không chỉ là việc phê phán, lên án mà còn là lời cảnh báo về hậu quả sẽ xảy ra trong tương lai nếu cá nhân làm điều ác, không phù hợp với đạo lý của con người. Chẳng hạn, “Cha bỏ con, đây tớ bỏ thầy”, “Chim nhớ cây, tớ quên thầy”, “Gà béo thì bán bên Ngô, gà khô thì bán láng giềng”<sup>(24)</sup>... là những hành vi bất nghĩa, không phù hợp với truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam. Đồng thời, ca dao, tục ngữ cũng đưa ra lời cảnh báo về những hậu quả trong tương lai như: “Ác giả ác báo, hại nhân nhân hại”, “Ra tay cầm lửa đốt trời, chẳng may lửa rớt lửa rơi xuống đầu”<sup>(25)</sup>, hay “Cờ bạc là bác thằng bần, cửa nhà bán hết đưa chân vào cùm”<sup>(26)</sup>. Không dừng lại ở đó, ca dao, tục ngữ Việt Nam còn phê phán, lên án hiện tượng lười lao động, thói ăn chơi sa đọa, xuống cấp về mặt nhân cách của con người, làm ảnh hưởng đến những người xung quanh. Điều này được thể hiện trong các mối quan hệ từ gia đình đến cộng đồng, xã hội. Trong đó, các mối quan hệ vợ - chồng, cha - con, thầy - trò, hàng xóm, láng giềng với nhau hoặc các hành động làm tổn hại đến đời sống nhân dân của

<sup>(22)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 372, 381, 619 và 624

<sup>(23)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 15, tr. 1092

<sup>(24)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 775, 777 và 784.

<sup>(25)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 2, tr. 629, 640.

<sup>(26)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sđd, tập 1, tr. 781.

vua, quan trong xã hội phong kiến trước đây cũng được ca dao, tục ngữ Việt Nam phản ánh. Chẳng hạn, đối với thói lười lao động, đua đòi, thích hưởng thụ, không chí thú làm ăn, ca dao, tục ngữ đã đề cập rằng: “Ăn no rồi lại nằm khoèo/ Thấy trống dục chèo bé bụng đi xem”, “Cô kia mặt trên mày trơ/ Vàng đeo bạc quần cũng dơ đáng đời”<sup>(27)</sup>. Đặc biệt, đối với các thành phần thuộc giai cấp thống trị như vua, quan, địa chủ phong kiến - những bộ phận chuyên ăn bám, dè dặt, cướp bóc, bóc lột nhân dân, thì ca dao, tục ngữ Việt Nam đã bày tỏ thái độ không tin tưởng hoặc lên án những hành động của họ. Chẳng hạn: “Nghĩa nhân chi thứ cường quyền/ Chúng chỉ vì tiền sinh chuyện hại dân” hoặc “Con ơi nhớ lấy câu này/ Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”<sup>(28)</sup>...

Như vậy, ca dao, tục ngữ Việt Nam chính là tài sản tinh thần chung của nhân dân lao động, là lời ăn tiếng nói của nhân dân, là lối suy nghĩ của dân tộc, phản ánh những kinh nghiệm sống, phong tục tập quán, lối sống và các quan hệ xã hội. Trong nhiều nội dung, khía cạnh mà ca dao, tục ngữ phản ánh đó, thì việc khuyến khích, cổ vũ lẽ phải, lên án những hành động gây hại cho cộng đồng, xã hội thể hiện tư tưởng nhân nghĩa rõ nét trong ca dao, tục ngữ Việt Nam, góp phần làm phong phú truyền thống đạo đức của dân tộc ta.

**3. Ý nghĩa của tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam đối với giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay**

Sau hơn 30 năm đổi mới chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý

nghĩa lịch sử, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện, chính trị xã hội ổn định, quốc phòng an ninh tiếp tục được giữ vững nhưng đất nước vẫn chứa đựng không ít các nguy cơ và thách thức. Trước tình trạng “môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng”<sup>(29)</sup> cùng với hiện tượng “đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng”<sup>(30)</sup>, thì việc giáo dục tinh thần nhân ái, thương yêu con người, hành động vì lẽ phải cho thế hệ trẻ càng trở nên cần thiết.

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng xuống cấp về mặt đạo đức xã hội, tình thương yêu giữa con người với con người có những biểu hiện mờ nhạt, hiện tượng vô cảm xuất hiện ngày càng nhiều trong xã hội, thì việc tăng cường giáo dục tư tưởng nhân nghĩa cho mọi tầng lớp nhân dân nói chung và thế hệ trẻ nói riêng càng trở nên cấp thiết. Bên cạnh đó, trong điều kiện nền giáo dục nước ta đang trong quá trình phát triển, hội nhập mạnh mẽ,

<sup>(27)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sdd, tập 15, tr. 998, 1017.

<sup>(28)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, Sdd, tập 15, tr. 636, 639.

<sup>(29)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 33 - NQ/TW, ngày 09 tháng 06 năm 2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, 2014, Hà Nội.

<sup>(30)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia - sự thật, 2016, Hà Nội, tr. 61.

đa dạng các loại hình giáo dục và nó tác động trên cả phương diện tích cực lẫn tiêu cực. Nền giáo dục nước nhà đã góp phần to lớn trong việc giáo dục nâng cao trình độ dân trí, đạo đức và nghề nghiệp cho mọi tầng lớp nhân dân, nhưng tình trạng giáo dục chạy theo đồng tiền hoặc chưa bảo đảm chất lượng, đưa các nội dung giáo dục có tính thực dụng được nhập khẩu từ nước ngoài vào trong quá trình dạy học, bỏ qua hay không chú trọng đến các giá trị truyền thống như tình yêu thương con người, hành động vì lẽ phải... cũng chính là những nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng nói trên.

Trong khi đó, thế hệ trẻ Việt Nam là những người trẻ tuổi, đang trong giai đoạn ngày càng trưởng thành cả về thể chất và trí tuệ, được sinh ra trong điều kiện đất nước hòa bình, được thụ hưởng nhiều thành quả của quá trình phát triển đất nước do Đảng ta lãnh đạo. Quá trình hội nhập quốc tế đã tác động mạnh mẽ đến đời sống tinh thần của thế hệ trẻ cả trên phương diện tích cực và tiêu cực, làm thay đổi các quan điểm của họ về giá trị truyền thống của dân tộc. Với đặc điểm tâm lý lứa tuổi, sự thông minh, sáng tạo cũng như nhạy cảm trước những cái mới, thì việc sử dụng trong ca dao, tục ngữ để giáo dục lòng thương yêu con người, hành động vì lẽ phải cho thế hệ trẻ là một lợi thế bởi tính ngắn gọn, vắn diệu, dễ đi vào lòng người sẽ kích thích sự tò mò, tạo nên hứng thú cho họ trong quá trình học tập. Chính vì vậy, để sử dụng ca dao, tục ngữ vào việc tuyên truyền, giáo dục lòng thương yêu con người, hành động vì lẽ phải cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay cần

có sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, nhất là hệ thống giáo dục nước nhà và cần tập vào một số lĩnh vực, mối quan hệ cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, trong phạm vi gia đình, việc sử dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam để giáo dục cho trẻ tình yêu thương, trách nhiệm của các thành viên trong gia đình với nhau cần phải được chú trọng hơn nữa. Những câu tục ngữ, ca dao như: “Chồng giận thì vợ làm lành”, “Cha hiền, con thảo”, “Con cái khôn ngoan về vang cha mẹ”, “Anh em như chân tay”<sup>(31)</sup>... hoặc các câu ca dao: “Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra/ Một lòng thờ mẹ kính cha/ Cho trọn chữ hiếu mới là đạo con”<sup>(32)</sup>... để giáo dục tình thương yêu, lòng biết ơn với các đấng sinh thành cũng như tinh thần đoàn kết, ý chí vươn lên... cho các thành viên trong gia đình nhằm giúp họ sống hướng thiện, tôn trọng, đối xử với nhau một cách tốt hơn.

*Thứ hai*, đối với những mối quan hệ như: thầy trò, bạn bè, hàng xóm láng giềng, thì việc sử dụng ca dao, tục ngữ để giáo dục nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi của con người cũng không nằm ngoài mục đích nhằm xây dựng, điều chỉnh các mối quan hệ theo hướng tích cực hơn. Dưới sự tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, các mối quan hệ nói trên có những biểu hiện rời rạc,

<sup>(31)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 1*, tr. 319, 357, 366 và 410.

<sup>(32)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 15*, tr. 509.



mờ nhạt, thiếu sự gắn kết, đoàn kết, thì việc sử dụng các câu tục ngữ như: “Không có thầy đố mày làm nên”, “Chọn bạn mà chơi, gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”, “Bà con xa không bằng lân la láng giềng”<sup>(33)</sup>...; Hay các câu ca dao: “Cơm cha, áo mẹ, công thầy/ Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao”, “BẠN BÈ LÀ NGHĨA TƯƠNG TRI/ Sao cho sau trước một BÈ MỚI NÊN”, “MƯỚP HƯƠNG ĐÀI NGỌN QUÀ RÀO/ Chờ khi khách quý hái VÀO NẤU CANH”<sup>(34)</sup>... để giáo dục thế hệ trẻ vừa nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ này, vừa mang ý nghĩa tích cực, góp phần xây dựng đất nước ngày càng văn minh, con người sống, đối xử với nhau có nghĩa, có tình.

*Thứ ba*, đối với các mối quan hệ khác trong cộng đồng, xã hội. Trong đời sống của người Việt, mối liên kết nhà - làng - nước luôn là nền tảng vững bền để xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời, để xây dựng, củng cố mối liên kết này, người Việt đã sớm đoàn kết, nương tựa vào nhau trên cơ sở quan niệm về nguồn gốc, dòng giống của nhân dân ta đều được sinh ra cùng một người mẹ Âu Cơ nên hai tiếng “đồng bào” rất gần gũi và hết sức thân thương. Bên cạnh đó, trong suốt chiều dài lịch sử, các thế hệ con Lạc, cháu Hồng đã đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau để vượt qua khó khăn, chinh phục tự nhiên và đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Chính vì vậy, ngoài các mối quan hệ có tính máu mủ, ruột rà, họ hàng..., thì con người Việt Nam nói chung luôn biết thương yêu nhau, hành động vì nhau, thấy việc nghĩa là tự giác hành

động và điều này cũng được thể hiện trong ca dao, tục ngữ. Do đó, việc sử dụng ca dao, tục ngữ để giáo dục các giá trị truyền thống cho thế hệ trẻ hiện nay mang ý nghĩa tích cực, góp phần hoàn thiện nhân cách cho họ. Chẳng hạn, các câu ca dao, tục ngữ như: “Lá lành đùm lá rách”, “Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”<sup>(35)</sup>, hay “Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng”<sup>(36)</sup> hoặc “Việc nước trước việc nhà”, “Quốc gia hữu sự, thất phu hữu trách (*Nhà nước có việc, kẻ tầm thường cũng có trách nhiệm*)”<sup>(37)</sup> ... có ý nghĩa hết sức to lớn trong việc giáo dục lòng yêu thương con người cũng như giáo dục trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, nhất là thế hệ trẻ đối với đất nước hiện nay.

### Kết luận

Trong suốt chiều dài lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đặc biệt coi trọng nhân nghĩa, bởi giá trị của nhân nghĩa chính là một trong những yếu tố tạo nên bản chất đạo đức, nhân cách của con người Việt Nam. Nhân nghĩa được phản ánh

<sup>(33)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 1*, tr. 434, 440 và 443.

<sup>(34)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 15*, tr. 620, 621 và 625.

<sup>(35)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 2*, tr. 697, 698.

<sup>(36)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 15*, tr. 625.

<sup>(37)</sup> Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Sdd, tập 2*, tr. 757 và 755.

rõ nét thông qua các hình thái ý thức xã hội như: chính trị, đạo đức, pháp luật, tôn giáo, thẩm mỹ, khoa học... trong đó có ca dao, tục ngữ Việt Nam. Tuy ca dao, tục ngữ Việt Nam không đi thẳng vào vấn đề đạo đức nói chung và nhân nghĩa nói riêng mà thông qua sự phản ánh nhiều mặt của đời sống, sinh hoạt của nhân dân ta, những quan niệm, giá trị, tiêu chuẩn về lòng thương yêu con người, quý trọng, đề cao phẩm giá con người cũng như quý trọng, đề cao lễ phải, hành động vì lẽ phải cũng được phản ánh một cách rõ nét qua những câu ca dao, tục ngữ của nhân dân ta.

Do đó, tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam là toàn bộ những quan niệm, tiêu chuẩn, giá trị về lòng thương yêu giữa con người với con người, về hành động vì lẽ phải, phù hợp với truyền thống, đạo lý của con người Việt Nam được phản ánh dưới dạng những câu nói, câu thơ dân gian ngắn gọn, nhằm điều chỉnh hành vi, định hướng con người đến các giá trị đạo đức tốt đẹp, tránh xa những cái ác, cái xấu, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Mặc dù tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao, tục ngữ Việt Nam không mang tính pháp lý nhưng với ưu thế ngắn gọn, vắn diệu, không dàn trải trong cách thể hiện, nội dung sát với thực tiễn của đời sống xã hội nên quan niệm ấy cho đến nay nó vẫn còn nguyên giá trị. Chính vì vậy, tư tưởng nhân nghĩa trong ca dao,

tục ngữ mang ý nghĩa tích cực trong giáo dục lòng thương yêu con người, hành động vì lẽ phải cho mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2014), *Nghị quyết số 33 NQ/TW, ngày 09 tháng 06 năm 2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Hà Nội: Chính trị quốc gia - Sự thật.

3. Hồ Chí Minh, (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

4. Nguyễn Lân, (2006), *Từ điển Từ và ngữ Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp.

5. Nguyễn Như Ý (chủ biên, 1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.

6. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002a), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 1.*

7. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002b), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 2.*

8. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2002c), *Tổng tập văn học dân gian người Việt, Tập 15.*